

BỘ TƯ LỆNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THAM MURU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 164 /HD-PTM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TƯ TRỌNG	
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số: 75	ĐẾN
Ngày: 27/02/19	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

HƯỚNG DẪN

Nội dung hoạt động công tác quốc phòng, công tác tự vệ,
công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2019

Chữ ký: Cô Minh Phụng

Căn cứ Chỉ thị số 238/CT-BTL ngày 26 tháng 01 năm 2019 của Tư lệnh Quân khu 7 và Kế hoạch số 670/KH-BTM ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tham mưu Quân khu 7 về công tác quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2019;

Căn cứ Thông tri của Thành ủy, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2019;

Căn cứ Kế hoạch số 123/KH-BTL ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tư lệnh thành phố về công tác quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2019 đã được Bộ Tư lệnh Quân khu phê duyệt,

Phòng Tham mưu/Bộ Tư lệnh thành phố hướng dẫn nội dung hoạt động công tác quốc phòng, công tác tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2019 đối với Ban Chỉ huy quân sự ở cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (gọi chung là cơ quan, tổ chức) như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm thống nhất nội dung công tác quốc phòng, công tác tự vệ, công tác giáo dục quốc phòng và an ninh (QP, TV, GDQP&AN) năm 2019 làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức chủ động tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao, thúc đẩy phong trào thi đua quyết thắng đạt kết quả cao nhất.

- Gắn các hoạt động chính trị, chuyên môn, hoạt động sản xuất kinh doanh và các phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị với công tác QP, TV, GDQP&AN theo quy định của pháp luật, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân địa phương ngày càng vững mạnh trên từng địa bàn, cơ sở.

2. Yêu cầu

- Nắm chắc nội dung, chủ động quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện, tính chất của cơ quan, tổ chức.

- Vận dụng nhiều hình thức, biện pháp thích hợp để tổ chức thực hiện bảo đảm thời gian, nội dung kế hoạch và đạt hiệu quả cao, hạn chế ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị, chuyên môn và hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức thường xuyên, liên tục và phát huy trách nhiệm của tổ chức, cá nhân theo quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác quốc phòng

a) Tập trung chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Kết luận số 41-KL/TW ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới; Nghị định hợp nhất số 02/NĐHN-BQP ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Bộ Quốc phòng về việc hợp nhất Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ và Nghị định số 02/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ; Luật Quốc phòng năm 2018; Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành; Thông tư số 79/2016/TT-BQP ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ Quốc phòng về quy định mối quan hệ công tác của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của cán bộ Ban Chỉ huy quân sự Bộ, ngành trung ương, Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và thôn đội trưởng, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị DQTV; Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương - có hiệu lực từ ngày 14 tháng 02 năm 2019 (thay Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương); Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự - có hiệu lực từ ngày 16 tháng 02 năm 2019 (thay Nghị định số 117/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về phòng thủ dân sự); Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng; Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị xã hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; Công văn số 8333/BTM-DQTV ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tham mưu Quân khu 7 về việc tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác Dân quân tự vệ; Hướng dẫn số 8334/HD-BTM ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tham mưu Quân khu 7 về hệ thống biên, bảng trong trụ sở của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và đơn vị tự vệ; các văn bản pháp luật có liên quan đến cán bộ - công nhân viên, người lao động, cán bộ, chiến sĩ tự vệ.

b) Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo:

Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tham mưu cho Đảng ủy (chi bộ), Ban Giám đốc và thủ trưởng cơ quan, tổ chức xây dựng nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự gồm:

- Nghị quyết lãnh đạo công tác quốc phòng, quân sự năm 2019 của Đảng ủy (chi bộ).

- Kế hoạch thực hiện công tác quốc phòng, quân sự năm 2019 của Ban Chỉ huy quân sự được người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê chuẩn.

2. Công tác tự vệ

a) Xây dựng tự vệ:

- Số lượng:

+ Kiện toàn Ban Chỉ huy quân sự (Ban CHQS) và tổ chức biên chế tự vệ phù hợp với điều kiện, tính chất, khả năng của từng cơ quan, tổ chức, quân số xây dựng đạt tỷ lệ từ 10 - 20% trở lên so với tổng số cán bộ công nhân viên chức.

+ Quy mô tổ chức:

Cấp tiểu đội: quân số 10 đ/c, gồm: 1 tiểu đội trưởng và 9 chiến sĩ.

Cấp trung đội: quân số 31 đ/c, tổ chức thành 3 tiểu đội, gồm: 1 trung đội trưởng, 3 tiểu đội trưởng và 27 chiến sĩ.

Cấp đại đội: quân số 97 đ/c, tổ chức thành 3 trung đội, gồm: 1 Đại đội trưởng, 1 Chính trị viên, 1 Đại đội phó, 1 Chính trị viên phó, 3 cán bộ trung đội, 9 cán bộ tiểu đội và 81 chiến sĩ.

Cấp tiểu đoàn: quân số 295 đ/c, tổ chức thành 3 đại đội, gồm: 1 Tiểu đoàn trưởng, 1 Chính trị viên, 1 Tiểu đoàn phó, 1 Chính trị viên phó, 12 cán bộ đại đội, 9 cán bộ trung đội, 27 cán bộ tiểu đội và 243 chiến sĩ.

+ Ban Chỉ huy quân sự: 4 đ/c, gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó và Chỉ huy phó; ngoài ra, tùy theo tính chất, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị có thể đề nghị bổ nhiệm thêm 1 Chỉ huy phó (Phụ lục II – Đề cương báo cáo).

Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức kiêm nhiệm.

Chính trị viên là Bí thư Đảng ủy (chi bộ) kiêm nhiệm.

Chính trị viên phó là Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh kiêm nhiệm.

Chỉ huy phó là cấp phó của người đứng đầu hoặc Trưởng (Phó) phòng, ban quan trọng kiêm nhiệm.

- Chất lượng:

+ Đảng viên: đạt từ 32,45% trở lên (trong đó Ban CHQS 100% là đảng viên).

+ Đoàn viên: đạt 60% (so với số tự vệ còn trong độ tuổi đoàn).

- Hồ sơ quản lý tự vệ bảo đảm các thủ tục (theo mẫu quy định):

+ Quyết định thành lập Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

+ Quyết định thành lập đơn vị tự vệ.

+ Danh sách tổ chức biên chế (Phụ lục IV – Đề cương báo cáo), thường xuyên bổ sung nếu có sự thay đổi nhân sự. *Chú ý: Không biên chế thành phần bảo vệ vào trong các đơn vị tự vệ.*

+ Quyết định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức (Giám đốc, Thủ trưởng, Ban Giám hiệu...) về việc công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia tự vệ.

+ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ theo phân cấp.

+ Đối với cá nhân tự vệ: có quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia tự vệ của Ban Giám đốc, thủ trưởng đơn vị; Đơn đề nghị tham gia tự vệ nông cốt; Lý lịch tự vệ nông cốt (có dán ảnh, nhận xét và kết luận của Ban Giám đốc, thủ trưởng đơn vị); Phiếu xác minh lý lịch tự vệ của công an phường, xã, thị trấn (có kết luận về chính trị, đạo đức của gia đình và bản thân); Quyết định bổ nhiệm

cán bộ (nếu là cán bộ); Quyết định kết nạp vào Đảng, Đoàn (nếu là Đảng viên, Đoàn viên).

b) Công tác tập huấn, giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự:

- *Tập huấn:*

Theo yêu cầu nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự, cơ quan, tổ chức, đơn vị tự vệ (nơi chưa thành lập Ban CHQS) phải tổ chức cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn do Bộ Tư lệnh thành phố và Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện (nơi cơ quan, đơn vị đứng chân) tổ chức bảo đảm chỉ tiêu được giao.

- *Giáo dục chính trị, pháp luật:* quân số tham gia từ 90% trở lên.

+ Quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

+ Tiếp tục tổ chức giáo dục, tuyên truyền Luật Quốc phòng năm 2018, Luật Dân quân tự vệ, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Bộ Luật lao động, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp... và các văn bản pháp luật liên quan cho 100% cán bộ, công nhân viên và người lao động trong cơ quan, đơn vị.

+ Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ ban hành quy chế phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng; Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28/12/2018 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương; Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự và các văn bản có liên quan.

- *Huấn luyện quân sự:* Phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở để tổ chức thực hiện.

+ Chuẩn bị huấn luyện:

Xây dựng kế hoạch huấn luyện năm 2019 (giáo dục chính trị, pháp luật và huấn luyện quân sự) theo tài liệu mới được ban hành năm 2018.

Lịch huấn luyện (tiến trình biểu huấn luyện) và giáo án huấn luyện của từng đơn vị phải được phê chuẩn của Ban CHQS quận, huyện và phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị (đối với các trường Đại học, Cao đẳng có Khoa Giáo dục quốc phòng an ninh, giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh thì giáo án huấn luyện do Ban Chỉ huy quân sự hoặc Ban Giám hiệu phê chuẩn, trước khi thực hiện) gửi kế hoạch về Bộ Tư lệnh thành phố và Ban CHQS quận, huyện để theo dõi, kết thúc huấn luyện báo cáo kết quả để tổng hợp chung.

Chuẩn bị đầy đủ giáo án, thao trường và vật chất huấn luyện, thực hành huấn luyện.

+ Tổ chức huấn luyện:

100% cơ sở tổ chức huấn luyện, quân số đạt từ 90% trở lên.

Tổ chức huấn luyện cho 100% tự vệ năm thứ nhất (15 ngày/năm), tự vệ năm thứ 2 đến năm thứ 4, tự vệ kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia tự vệ (07 ngày/năm); thời điểm tổ chức huấn luyện tùy theo điều kiện của cơ quan, tổ chức bảo đảm huấn luyện đúng, đủ thời gian theo quy định.

Tổ chức huấn luyện cho 100% tự vệ năm thứ nhất (15 ngày/năm), tự vệ năm thứ 2 đến năm thứ 4, tự vệ kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia tự vệ (07 ngày/năm); thời điểm tổ chức huấn luyện tùy theo điều kiện của cơ quan, tổ chức bảo đảm huấn luyện đúng, đủ thời gian theo quy định.

Nội dung, chương trình giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự chi tiết thực hiện theo Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Bộ Quốc phòng về quy định chương trình tập huấn, huấn luyện và tổ chức diễn tập, hội thi, hội thao dân quân tự vệ; Hướng dẫn số 84/HD-PTM ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Phòng Tham mưu về tập huấn cán bộ, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao dân quân tự vệ.

Ngoài ra tập trung huấn luyện và luyện tập phương án chiến đấu bảo vệ mục tiêu cơ quan, doanh nghiệp, trường học; phòng chống cháy, nổ.

+ Kết thúc huấn luyện:

Kiểm tra kết thúc huấn luyện, kiểm tra đánh giá kết quả, phần đầu 100% đạt yêu cầu, trong đó có từ 75% khá giỏi trở lên.

Tham gia kiểm tra bắn bài 1b cho 100% tự vệ năm thứ nhất, bài 1 cho tự vệ năm thứ 2 đến năm thứ 4 và tự vệ kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia tự vệ (có thể kiểm tra bằng máy bắn tập MBT-03).

c) Xây dựng văn kiện, hoạt động chiến đấu, diễn tập:

Tất cả các đơn vị phải chủ động liên hệ với Ban CHQS quận, huyện nơi đặt trụ sở để xây dựng mới hoặc bổ sung hệ thống văn kiện sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ) theo Thông tư số 108/2016/TT-BQP ngày 16 tháng 7 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định nội dung, trình tự lập và phê chuẩn kế hoạch hoạt động; nhiệm vụ, nội dung, chế độ hoạt động của dân quân tự vệ trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu và sở chỉ huy các cấp về công tác dân quân tự vệ (Thông tư số 108/2016/TT-BQP); Công văn số 8333/BTM-DQTV ngày 06/12/2018 của Bộ Tham mưu Quân khu 7 về việc tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác Dân quân tự vệ.

- Ban CHQS cơ quan, tổ chức; chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi không có Ban CHQS cơ quan, tổ chức) chủ trì xây dựng 07 kế hoạch trong trạng thái SSCĐ thường xuyên:

- (1) Kế hoạch hoạt động hàng năm;
- (2) Kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu;
- (3) Kế hoạch mở rộng tự vệ trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu;
- (4) Kế hoạch chiến đấu bảo vệ cơ quan, tổ chức;
- (5) Kế hoạch thực hiện tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ (nếu có thanh niên được gọi nhập ngũ NVQS);
- (6) Kế hoạch phối hợp hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức với các lực lượng trong bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng và phòng thủ dân sự có liên quan;
- (7) Kế hoạch công tác đảng, công tác chính trị cho tự vệ cơ quan, tổ chức trong từng nhiệm vụ.

+ Trình tự lập và phê chuẩn kế hoạch:

Kế hoạch (1), (5) do Ban Chỉ huy quân sự hoặc cán bộ chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi chưa tổ chức Ban Chỉ huy quân sự) cơ quan, tổ chức ở cơ sở chủ trì soạn thảo; *Chỉ huy trưởng hoặc chỉ huy đơn vị tự vệ ký chịu trách nhiệm, trình Thủ trưởng cơ quan, tổ chức phê duyệt.*

Các kế hoạch (2), (3), (4) do Ban Chỉ huy quân sự hoặc cán bộ chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi chưa tổ chức Ban Chỉ huy quân sự) cơ quan, tổ chức ở cơ sở chủ trì soạn thảo; *Chỉ huy trưởng hoặc chỉ huy đơn vị tự vệ ký chịu trách nhiệm, trình Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện phê chuẩn* theo phân cấp quản lý cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 12 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ.

Kế hoạch số (6) do Ban Chỉ huy quân sự hoặc cán bộ chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi chưa tổ chức Ban Chỉ huy quân sự) cơ quan, tổ chức ở cơ sở chủ trì phối hợp với Công an, Ban CHQS phường, xã, thị trấn nơi đặt trụ sở soạn thảo; *Chỉ huy trưởng hoặc chỉ huy đơn vị tự vệ cùng chỉ huy các lực lượng có liên quan ký chịu trách nhiệm, trình Trưởng Công an quận, huyện phê duyệt.*

Kế hoạch số (7) do Ban Chỉ huy quân sự hoặc cán bộ chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi chưa tổ chức Ban Chỉ huy quân sự) cơ quan, tổ chức ở cơ sở chủ trì soạn thảo; *Chính trị viên hoặc chỉ huy đơn vị tự vệ ký chịu trách nhiệm, trình Chính ủy Bộ Tư lệnh thành phố, Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện phê chuẩn* theo phân cấp quản lý cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 12 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ.

- Đơn vị tự vệ (cấp trung đội trở lên) chủ trì xây dựng 03 kế hoạch hoạt động cơ bản theo Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 108/2016/TT-BQP trong trạng thái SSCĐ thường xuyên:

(1) Kế hoạch bảo vệ mục tiêu khi có bạo loạn;

(2) Kế hoạch đánh chiếm lại mục tiêu khi bạo loạn có vũ trang;

(3) Kế hoạch phối hợp hoạt động của đơn vị tự vệ với các lực lượng trong bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ ANCT, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng (nơi có rừng) và phòng thủ dân sự có liên quan.

+ Trình tự lập và phê chuẩn kế hoạch:

Các kế hoạch (1), (2) do chỉ huy đơn vị tự vệ soạn thảo, ký chịu trách nhiệm, trình người chỉ huy cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Kế hoạch (3) do chỉ huy đơn vị tự vệ cơ quan, tổ chức ở cơ sở chủ trì phối hợp với các lực lượng địa phương nơi đặt trụ sở soạn thảo; chỉ huy đơn vị tự vệ cùng chỉ huy các lực lượng có liên quan ký chịu trách nhiệm.

- Phối hợp hoạt động tuần tra, canh gác bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng theo Nghị định số 133 của Chính phủ.

Ngoài ra, đối với Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ động viên công nghiệp thì tiến hành kiểm tra rà soát các kế hoạch và thực hiện bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ; đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch bảo đảm chuyên ngành cho những năm đầu chiến tranh; tổ chức lực

lượng tham gia diễn tập khu vực phòng thủ, chiến đấu phòng thủ, phòng thủ dân sự theo yêu cầu của địa phương nơi đứng chân.

d) Hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2019:

- Kỷ niệm 84 năm ngày truyền thống Dân quân tự vệ Việt Nam (28/3/1935 - 28/3/2019); 44 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2019); 74 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2019); 75 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2019) và 30 năm ngày hội quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2019) đề nghị lãnh đạo cơ quan, tổ chức xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích (tiêu biểu) trong xây dựng, huấn luyện và hoạt động của tự vệ theo thẩm quyền. Đồng thời, tổ chức thăm hỏi động viên cán bộ, chiến sĩ tự vệ có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, có thể vận động cán bộ, công nhân viên đóng góp quỹ để xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, tạo điều kiện để cán bộ, chiến sĩ tự vệ an tâm công tác.

- Tham gia viết bài và gửi hình ảnh về hoạt động quốc phòng và an ninh, hoạt động của tự vệ cho Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện và Bộ Tư lệnh thành phố theo phân công.

- Cụm trưởng các Cụm thi đua tự vệ phải bàn bạc thống nhất nội dung ký kết giao ước thi đua, tham gia hội thi, hội thao các cấp theo kế hoạch của Bộ Tư lệnh thành phố năm 2019. Quá trình tổ chức thực hiện phải có kế hoạch cụ thể và phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện nơi các đơn vị đứng chân để được giúp đỡ.

3. Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN)

- Tiếp tục tổ chức quán triệt các văn bản của Đảng, Nhà nước về GDQP&AN, trong đó cần tập trung vào Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới; Quy định số 07-QĐ/BTCTW ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Ban Tổ chức Trung ương về tiêu chuẩn kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, đảng viên; Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh và các văn bản có liên quan.

- Thường xuyên rà soát, nắm chắc số lượng đối tượng 1, 2, 3, 4, các đối tượng khác đã và chưa tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Nghị định số 13 của Chính phủ, Hướng dẫn số 90/HD-HĐGDQPAN ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương (có số liệu, danh sách cụ thể).

- Tham mưu lãnh đạo cơ quan, tổ chức phân công cán bộ đối tượng 1, 2, 3 tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh do Trung ương, Quân khu, thành phố tổ chức theo chỉ tiêu được giao.

- Chủ động phối hợp với Hội đồng GDQP&AN quận, huyện tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quốc phòng và an ninh cho công chức, viên chức, người lao động và cán bộ, chiến sĩ tự vệ trong cơ quan, tổ chức (đối tượng 4) theo các Điều a, c, đ, Khoản 4, Mục I Hướng dẫn số 90/HD-HĐGDQPAN ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương.

Chú ý: Hết năm 2019 phải đạt 100% công chức, viên chức, người lao động và cán bộ, chiến sĩ tự vệ qua bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh. Đồng thời tổ chức cập nhật kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo nội dung, chương trình quy định tại Hướng dẫn số 175/HD-HĐGDQPANTW ngày 24/3/2017 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương.

4. Tổ chức giao ban, kiểm tra, thanh tra

- Tham mưu cho Đảng ủy và thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện nghiêm Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Bộ Tư lệnh thành phố, Ban Chỉ huy quân sự các quận, huyện tổ chức kiểm tra kết quả việc thực hiện công tác quốc phòng địa phương, công tác tự vệ và giáo dục quốc phòng và an ninh từ 25 – 30% Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

- Thanh tra thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo Nghị định 168/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, ngành trung ương, địa phương đối với Ban Chỉ huy quân sự Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Chỉ huy quân sự Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH một thành viên (tháng 9).

- Cụm tổ chức kiểm tra chéo giữa các đơn vị thành viên trong cụm làm cơ sở chấm điểm thi đua cuối năm. Quá trình thực hiện kiểm tra, các đơn vị phải báo cáo Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện.

5. Công tác bảo đảm

Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện tốt việc chăm lo chính sách cho tự vệ, chính sách hậu phương quân đội và tham gia các phong trào khác do địa phương phát động. Trong các cao điểm sẵn sàng chiến đấu có chế độ bồi dưỡng cho cán bộ và chiến sĩ tự vệ, phù hợp với đặc thù của từng cơ quan, tổ chức.

a) Phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị:

- Chỉ huy trưởng, Chính trị viên được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy hàng tháng, bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số 0,24 (Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

- Chỉ huy phó, Chính trị viên phó, Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên Tiểu đoàn tự vệ được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy hàng tháng, bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số 0,22 (Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

- Tiểu đoàn phó, Chính trị viên phó Tiểu đoàn tự vệ được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy hàng tháng, bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số 0,21 (Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

- Đại đội trưởng, Chính trị viên Đại đội tự vệ được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy hàng tháng, bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số 0,20 (Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

- Đại đội phó, Chính trị viên phó Đại đội tự vệ được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy hàng tháng, bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số 0,15 (Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

- Đối với cán bộ cấp tiểu đoàn, đại đội, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức cấp thành phố quản lý theo Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ do Bộ Tư lệnh thành phố phối hợp Sở Tài chính thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí chi trả.

- Đối với cán bộ cấp trung đội, tiểu đội, khẩu đội, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức cấp quận, huyện quản lý theo Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ và cán bộ tự vệ cấp trung đội, tiểu đội, khẩu đội do Ủy ban nhân dân quận, huyện sử dụng ngân sách địa phương để chi trả cho cán bộ Ban Chỉ huy quân sự và cán bộ trung đội, tiểu đội, khẩu đội tự vệ.

b) Trang phục:

Bảo đảm thực hiện theo Khoản 1, 2 Điều 14 Nghị định số 03 của Chính phủ (Phụ lục III).

c) Kinh phí hoạt động:

Thực hiện theo Khoản 1, 2 Điều 52 Luật Dân quân tự vệ và Khoản 1, 2 Điều 25 Nghị định số 03 của Chính phủ:

- Kinh phí cho tổ chức, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách của dân quân tự vệ do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Doanh nghiệp đã tổ chức đơn vị tự vệ có trách nhiệm bố trí kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức, huấn luyện và hoạt động của lực lượng tự vệ. Doanh nghiệp chưa tổ chức tự vệ có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho người lao động của doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân ở địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động. Khoản kinh phí này được tính vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

III. THỜI GIAN, BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian tổ chức thực hiện

- Các cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện kể từ ngày 20/02/2019 đến ngày 30/11/2019 kết thúc.

- Xây dựng Nghị quyết và Kế hoạch thực hiện công tác quốc phòng, quân sự năm 2019 xong trước ngày 28/02/2019.

- Tiếp tục củng cố, bổ sung hệ thống văn kiện hoạt động sẵn sàng chiến đấu xong trong Quý I/2019.

- Quy định thời gian báo cáo: tất cả Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; đơn vị tự vệ (nơi không có Ban Chỉ huy quân sự) đều phải tổ chức thực hiện đầy đủ các chế độ và nội dung báo cáo; Nơi gửi: Ban Dân quân tự vệ/Phòng Tham mưu (số 291 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10), đồng thời gửi nhanh qua địa chỉ mail: *bandqtv.hcm@gmail.com* và gửi Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện nơi cơ quan, đơn vị đứng chân.

+ Báo cáo 6 tháng : trước ngày 20/6/2019.

+ Báo cáo năm : trước ngày 20/11/2019.

(Có đề cương báo cáo kèm theo)

Ngoài ra, những hoạt động đột xuất của đơn vị có liên quan đến hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và đơn vị tự vệ phải báo cáo về Phòng Tham mưu (qua Ban Dân quân tự vệ), SĐT: (028) 62.645.787 và bằng văn bản.

2. Biện pháp tổ chức thực hiện

- Thực hiện công tác quốc phòng, tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình hiện nay là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cơ quan, tổ chức ở cơ sở theo quy định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ ngành trung ương, Quân khu 7, thành phố. Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, cán bộ kiêm nhiệm ở các đơn vị phải tích cực chủ động làm tham mưu cho cấp ủy Đảng, thủ trưởng cơ quan, tổ chức xây dựng Nghị quyết, kế hoạch, đồng thời đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện cụ thể nhằm bảo đảm hoàn thành kế hoạch trong năm đề ra. Đồng thời phát huy tinh thần, trách nhiệm trong đóng góp, bổ sung Luật Dân quân tự vệ sửa đổi.

- Trong công tác huấn luyện các đơn vị cần bố trí thời gian hợp lý, tổ chức thành nhiều đợt, hạn chế ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn và hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, chú ý bảo đảm quân số, nội dung, thời gian, theo quy định và bảo đảm an toàn tuyệt đối cả người, vũ khí trang bị trong thời gian huấn luyện.

- Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện có trách nhiệm phối hợp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo tiến độ thực hiện của Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và các đơn vị tự vệ nội dung công tác quốc phòng, tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2019 về Phòng Tham mưu (qua Ban Dân quân tự vệ) theo chế độ quy định.

Nhận được Hướng dẫn này, đề nghị Ban Chỉ huy quân sự các quận, huyện và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức các cấp tổ chức thực hiện đầy đủ, đạt kết quả cao./. 

Nơi nhận:

- Thủ trưởng BTM/QK7;
- Phòng DQTV/BTM;
- Thủ trưởng BTL.TP;
- Thủ trưởng Phòng : TM, CT, HC, KT;
- Các Ban: DQTV, TH/PTM, TH, TC/PCT;
- Ban CHQS 24 quận, huyện;
- Ban CHQS cơ quan, tổ chức TP quản lý;
- Lưu: VT, DQTV; Tu240.

**KT. THAM MUÙ TRƯỞNG
PHÓ THAM MUÙ TRƯỞNG**



Thượng tá Tăng Văn Hùng

Phụ lục
TRANG PHỤC CÁN BỘ, CHIẾN SĨ TỰ VỆ

1. Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chỉ huy phó, Chính trị viên phó Ban CHQS cơ quan, tổ chức, chỉ huy đơn vị tự vệ từ Trung đội trưởng trở lên được cấp phát năm đầu 01 sao mũ cứng, 01 sao mũ mềm, 01 mũ cứng, 01 mũ mềm, 01 bộ quần áo đông, 01 bộ quần áo hè, 01 caravat, 01 dây lưng, 02 đôi bít tất, 01 đôi giày da đen, 01 đôi giày vải thấp cổ, 01 bộ quần áo đi mưa. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Sao mũ cứng	Cái	01	3 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	3 năm
3	Mũ cứng	Cái	01	3 năm
4	Mũ mềm	Cái	01	3 năm
5	Quần áo đông hoặc hè cán bộ nam, nữ	Bộ	01	2 năm
6	Cravat	Cái	01	3 năm
7	Dây lưng	Cái	01	3 năm
8	Bít tất	Đôi	02	1 năm
9	Giày da đen cán bộ nam	Đôi	01	2 năm
10	Giày da đen cán bộ nữ	Đôi	01	2 năm
11	Giày vải thấp cổ	Đôi	01	2 năm
12	Quần, áo đi mưa cán bộ	Bộ	01	3 năm

2. Tiểu đội trưởng và tương đương, chiến sĩ tự vệ được cấp phát năm đầu 01 sao mũ cứng, 01 sao mũ mềm, 01 mũ cứng, 01 mũ mềm, 02 bộ quần áo chiến sĩ, 01 dây lưng, 02 đôi bít tất, 01 đôi giày vải cao cổ, 01 áo đi mưa. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Sao mũ cứng	Cái	01	2 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	2 năm
3	Mũ cứng	Cái	01	2 năm
4	Mũ mềm	Cái	01	2 năm
5	Quần áo chiến sĩ	Bộ	01	1 năm
6	Dây lưng	Cái	01	2 năm
7	Bít tất	Đôi	01	1 năm
8	Giày vải cao cổ	Đôi	01	1 năm
9	Áo đi mưa	Bộ	01	3 năm

**Đề cương báo cáo kết quả thực hiện công tác quốc phòng,
tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh**

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-BCH

____, ngày tháng năm 201...

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác quốc phòng,
tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh
(6 tháng, năm) 201...**

(số liệu tính từ ngày 01/...../201... đến ngày 01/...../201...)

Phần I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC
QUỐC PHÒNG, TỰ VỆ, GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
(6 THÁNG, NĂM ...)**

I. KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Quán triệt, triển khai các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về nhiệm vụ công tác quốc phòng

Kết quả quán triệt, triển khai các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Quân khu, Bộ Tư lệnh Thành phố về công tác quốc phòng.

2. Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng, tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh

a) Kết quả tham mưu Đảng ủy (chi bộ), Thủ trưởng cơ quan ban hành văn bản liên quan đến công tác quốc phòng, tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh (QP, TV, GDQP&AN).

Ví dụ:

- Nghị quyết số ngày tháng năm của Đảng ủy (chi bộ) _____ về tổ chức thực hiện công tác QP, TV, GDQP&AN năm 20.....

- Kế hoạch số ngày tháng năm của Ban CHQS _____ về tổ chức thực hiện công tác QP, TV, GDQP&AN năm 20.....

b) Ban CHQS cơ quan, tổ chức ban hành các văn bản liên quan đến công tác QP, TV, GDQP&AN trong 6 tháng, năm.

(Phụ lục I)

II. KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Công tác quốc phòng

- Tham mưu Đảng ủy (chi bộ), Thủ trưởng cơ quan tổ chức các hội nghị (sơ kết 6 tháng; tổng kết năm) về công tác QP, TV, GDQP&AN.

- Phối hợp với các cơ quan, bộ phận có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong công tác QP, TV, GDQP&AN.

- Phối hợp với Công an, quân sự thực hiện các nhiệm vụ giữ gìn ANCT, TTATXH; phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Kết quả thực hiện công tác kiểm tra cơ sở (Các cơ quan, đơn vị trực thuộc) thực hiện công tác QP, TV, GDQP&AN.

- Kết quả bảo đảm kinh phí xây dựng, hoạt động, huấn luyện cho lực lượng tự vệ từ ngân sách của cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác QP, TV, GDQP&AN (*Phụ lục VII*).

- Kết quả tham mưu cho Đảng ủy (chi bộ), Thủ trưởng cơ quan thực hiện bảo đảm chế độ chính sách (theo luật định) hoặc vận dụng cho lực lượng tự vệ, dự bị động viên của đơn vị mình.

2. Công tác tự vệ

a) Tổ chức xây dựng lực lượng

- Kết quả nắm nguồn độ tuổi tham gia DQTV (đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi tham gia DQTV).

- Kết quả khảo sát, củng cố xây dựng Ban CHQS cơ quan, tổ chức; tình hình đội ngũ cán bộ Ban cơ quan, tổ chức.

- Số lượng, chất lượng, thành phần lực lượng, công cụ hỗ trợ của lực lượng tự vệ: (Nêu số tổng, số liệu cụ thể đưa vào phụ lục)

* Số lượng:

- Ban CHQS cơ quan, tổ chức:

Đã bổ nhiệm đủ Ban Chỉ huy quân sự: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chỉ huy phó và Chính trị viên phó.

- Tổng số tự vệ: đ/c, tỷ lệ:% so với CBCNV).

* Chất lượng tự vệ:

+ Đảng viên: đ/c, tỷ lệ:% so với tổng số tự vệ;

+ Đảng viên: đ/c, tỷ lệ:% so với tổng số tự vệ;

+ QNXN trong lực lượng tự vệ: đ/c, tỷ lệ:% so với tổng số tự vệ;

+ Nữ trong lực lượng tự vệ: đ/c, tỷ lệ:% so với tổng số tự vệ;

* Công tác phát triển Đảng viên, Đoàn viên trong lực lượng tự vệ:

Trong 6 tháng, năm đã kết nạp được đảng viên, đoàn viên trong lực lượng tự vệ.

* Thành phần lực lượng:

+ Tự vệ cơ động: đ/c, tỷ lệ:% so với tổng tự vệ.

+ Tự vệ binh chủng: đ/c, tỷ lệ:% so với tổng tự vệ.

+ Tự vệ tại chỗ: đ/c, tỷ lệ:% so với tổng tự vệ.

* Biên chế:

Cấp d:; Cấp c:; Cấp b:; Cấp a:; Khẩu đội:;

* Công cụ hỗ trợ: Nêu cụ thể từng loại

(*Phụ lục II, III, IV, V, VI*)

- b) Công tác bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện
 - Kết quả tập huấn cán bộ DQTV (Ban CHQS cơ quan, tổ chức; cán bộ chỉ huy tự vệ) (*Phụ lục VIII*).
 - Kết quả huấn luyện cho lực lượng tự vệ (*Phụ lục VIII*).
 - Kết quả kiểm tra bắn đạn thật (*Phụ lục IX*).
 - Công tác hội thi, hội thao (*Phụ lục X*).
 - Công tác diễn tập: KVPT, CDPT, PKND, PCLB, PCCN, CHCN; lực lượng tự vệ phối hợp các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương diễn tập có bắn đạn thật, đạn hơi, thuốc nổ (*Phụ lục XI*).
- c) Công tác dân vận, lao động giúp dân (*Phụ lục XII*).
- d) Công tác sẵn sàng chiến đấu, hoạt động chiến đấu phòng thủ
 - Xây dựng hệ thống văn kiện tác chiến DQTV (*Phụ lục VII*).
 - Duy trì chế độ trực, phối hợp hoạt động giữa lực lượng tự vệ với Công an, Quân sự phường, xã, thị trấn và các lực lượng khác theo Nghị định 133/2015/ NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ quy định việc phối của DQTV với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng (số lần, số lượt, số vụ việc, đối tượng, kết quả) (*Phụ lục XIII*).
- e) Kết quả chăm lo chế độ chính sách cho lực lượng tự vệ.

3. Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh

- a) Kết quả triển khai Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, các văn bản của cấp trên
- b) Kết quả quản lý các đối tượng đã, chưa tham gia bồi dưỡng KTQP&AN (*Phụ lục XI*).
- c) Kết quả tham gia bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho đối tượng 1, 2, 3
- d) Kết quả bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho đối tượng 4 và các đối tượng khác
- đ) Kết quả phổ biến kiến thức QP&AN trong cơ quan, đơn vị

(Phụ lục XII)

4. Kết quả hoạt động; sản xuất kinh doanh

(Phụ lục XIV)

5. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội

(Phụ lục XIV)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mạnh (nêu khái quát, ngắn gọn, không lặp lại kết quả)

2. Hạn chế

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân mạnh

b) Nguyên nhân yếu

4. Bài học kinh nghiệm

Phần II
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, TỰ VỆ,
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
(6 THÁNG CUỐI NĂM, NĂM 201...)

Nêu phương hướng nhiệm vụ cụ thể, thời gian, kế hoạch thực hiện công tác QP, TV, GDQP&AN. Những nội dung trọng tâm, nội dung công tác cụ thể

I. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG

II. CÔNG TÁC TỰ VỆ

III. CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Nơi nhận

- ...
- ...
- Lưu:,...; ...

CHỈ HUY TRƯỞNG

Phụ lục I
THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO ĐÃ BAN HÀNH

STT	Trích yếu văn bản	Số văn bản	Ngày, tháng ký ban hành	Cấp ban hành
1				
2				
...				
...				

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁN BỘ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ		Số quyết định thành lập, bổ nhiệm cán bộ Ban CHQS Ngày/tháng/năm	Số tài khoản Ngân hàng (Đăng ký tại ngân hàng, chi nhánh)	Chỗ ở hiện nay Số điện thoại
		Nam	Nữ	Cơ quan	Ban CHQS			
	Tên cơ quan, doanh nghiệp, trường học (Đơn vị chủ quản) Địa chỉ: _____ Số điện thoại: _____; Fax: _____							
1.					CHT			
2.					CTV			
3.					CHP			
4.					CHP			

Phụ lục III
BÁO CÁO TỔ CHỨC BIÊN CHẾ THÀNH PHẦN LỰC LƯỢNG TỰ VỆ

Số TT	Tên cơ quan, doanh nghiệp, trường học Địa chỉ: _____ Số điện thoại: _____	Cơ quan chủ quản (TW, TP, Q-H)	Tổng số CB.CNV	Lực lượng tự vệ		Biên chế (Cấp d, c, b, a)	Tự vệ nữ		Chất lượng						Đã thành lập Ban CHQS (Số QĐ, ngày, tháng, năm)	Ghi chú
				Quân số	Tỷ lệ		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %		

Phụ lục IV
CÁN BỘ, CHIẾN SĨ ĐƠN VỊ TỰ VỆ

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ		Số quyết định bổ nhiệm cán bộ Ban CHQS Ngày/tháng/năm	Năm tham gia DQTV	Chất lượng			Chỗ ở hiện nay Số điện thoại liên lạc
		Nam	Nữ	Cơ quan, Công ty	Đơn vị tự vệ			Đảng viên	Đoàn viên	QNXN	
1					b't						
2					at'						
3					CS						
4					CS						
5					CS						

Phụ lục V
CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ VÀ ĐƠN VỊ TỰ VỆ

[illegible]

Phụ lục VI
TRÌNH ĐỘ, DÂN TỘC, TÔN GIÁO, SỨC KHỎE VÀ ĐỘ TUỔI CÁN BỘ, CHIẾN SĨ TỰ VỆ

[illegible]

Phụ lục VII
KẾT QUẢ XÂY DỰNG HỆ THỐNG VĂN KIẾN TÁC CHIẾN DÂN QUÂN TỰ VỆ

STT	Nội dung văn kiện	Số văn bản	Ngày, tháng, năm ký	Cấp ban hành	Cấp phê duyệt
1					
...					

Phụ lục VIII

KẾT QUẢ TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN CỦA LỰC LƯỢNG TỰ VỆ

[illegible]

Phụ lục IX

KẾT QUẢ KIỂM TRA BẮN ĐẠN THẬT CỦA LỰC LƯỢNG TỰ VỆ

[illegible]

Phụ lục X
THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỘI THI HỘI THAO CỦA LỰC LƯỢNG TỰ VỆ

[illegible]

Phụ lục XI

THỐNG KÊ KẾT QUẢ LỰC LƯỢNG TỰ VỆ THAM GIA DIỄN TẬP

[illegible]

Phụ lục XII

THỐNG KÊ KẾT QUẢ LỰC LƯỢNG TỰ VỆ LÀM CÔNG TÁC DÂN VẬN

[illegible]

Phụ lục XIII

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG TỰ VỆ

ST T	Cơ quan, tổ chức	Độc lập					Phối hợp					Cộng				
		Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Trị giá tài sản thu được thành tiền (VNĐ)	Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Trị giá tài sản thu được thành tiền (VNĐ)	Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Trị giá tài sản thu được thành tiền (VNĐ)
1	TỔNG															
2	Đơn vị thành viên ...															
3	Đơn vị thành viên ...															
...	...															